

DANH SÁCH DỰ KIẾN TỐT NGHIỆP (CHẠY XÉT LẦN 1 NGÀY 13-6-2025)

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Tổng TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú	CCNN
1	22810001	Mai Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	27/09/2002	Đồng Nai	22LC10DN2	150	7.38	Khá		Đạt
2	22842008	Nguyễn Mai Thanh	Đạm		17/09/2002	Đồng Nai	22LC42DN2	152	7.35	Khá		Đạt
3	22842015	Võ Minh	Đức		15/05/2002	Quảng Ngãi	22LC42DN2	152	6.97	Khá		Đạt
4	22842026	Nguyễn Văn	Khiêm		02/01/1999	Kiên Giang	22LC42DN2	152	6.55	Khá		Đạt
5	22842022	Nguyễn Tuấn	Kiệt		31/10/2002	Trà Vinh	22LC42DN2	152	7.17	Khá		Đạt
6	22642003	Nguyễn Bá	Lưu		20/10/1999	Ninh Thuận	22LC42DN2	152	6.80	Khá		Đạt
7	22842031	Nguyễn Võ Hoàng	Minh		19/05/2002	Đồng Nai	22LC42DN2	152	6.74	Khá		Đạt
8	22842044	Nguyễn Quan	Thái		26/10/2001	Đồng Nai	22LC42DN2	152	6.70	Khá		Đạt
9	22842046	Nguyễn Đức	Thiện		27/01/2000	Đồng Nai	22LC42DN2	152	7.09	Khá		Đạt
10	22842047	Trần Ngọc	Thương		02/06/1993	Cần Thơ	22LC42DN2	152	6.93	Khá		Đạt
11	22642023	Tổng Hoàng	Sơn		29/08/2001	Gia Lai	22LC42SP2C	152	6.89	Khá		Đạt
12	22642039	Trương Quang	Vinh		14/09/2000	Bình Thuận	22LC42SP2C	152	7.12	Khá		Đạt
13	22842056	Nguyễn Hoàng Tuấn	Bảo		13/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	22LC42SP2L	152	6.74	Khá		Đạt
14	22842062	Hồ Tấn Mai	Duy		08/01/2003	TP. Hồ Chí Minh	22LC42SP2L	152	6.89	Khá		Đạt
15	22842086	Lê Hoàng	Nhân		27/10/2000	Long An	22LC42SP2L	152	7.31	Khá		Đạt
16	22842088	Nguyễn Ngọc	Phong		30/05/1999	Đồng Nai	22LC42SP2L	152	7.08	Khá		Đạt
17	22842098	Trần Công	Tài		30/05/2002	Đồng Nai	22LC42SP2L	152	7.49	Khá		Đạt
18	22643005	Đặng Khánh	Diễm		29/09/1994	Bình Thuận	22LC43SP2C	150	8.00	Giỏi		Đạt
19	22643010	Văn Hoài	Đức		30/05/2000	Đồng Nai	22LC43SP2C	150	7.77	Khá		Đạt
20	22843060	Bùi Văn	Định		30/11/1999	Bình Định	22LC43SP2L	150	7.67	Khá		Đạt
21	22843066	Hứa Việt	Hùng		03/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	22LC43SP2L	150	7.02	Khá		Đạt
22	22843069	Dương Trường	Khánh		25/10/1999	Đồng Nai	22LC43SP2L	150	7.55	Khá		Đạt

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Tổng TC tích lũy	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú	CCNN
23	22843070	Nguyễn Đông	Khoa		03/01/2000	Bến Tre	22LC43SP2L	150	7.14	Khá		Đạt
24	22843075	Lê Trung	Nghĩa		06/12/1999	Tây Ninh	22LC43SP2L	150	7.32	Khá		Đạt
25	22843077	Lê Đình	Ngọc		07/08/1995	Hà Tĩnh	22LC43SP2L	150	7.04	Khá		Đạt
26	22843084	Lê Phát	Tài		07/12/2000	Tiền Giang	22LC43SP2L	150	6.83	Khá		Đạt
27	22843094	Nguyễn Chí	Thanh		20/04/1996	Tây Ninh	22LC43SP2L	150	7.36	Khá		Đạt
28	22843098	Nguyễn Hồ Anh	Trí		20/12/2000	Quảng Ngãi	22LC43SP2L	150	6.98	Khá		Đạt
29	22843088	Nguyễn Minh	Tuấn		13/09/1999	Đồng Nai	22LC43SP2L	150	7.27	Khá		Đạt
30	22845064	Huỳnh Nhựt	Tân		02/11/1999	Vĩnh Long	22LC45SP2L	150	7.13	Khá		Đạt
31	22845074	Nguyễn Đỗ	Thọ		08/05/1990	TP. Hồ Chí Minh	22LC45SP2L	150	7.25	Khá		Đạt
32	22845066	Văn Thiên Bảo	Tín		05/10/1991	Phú Yên	22LC45SP2L	150	7.13	Khá		Đạt
33	22845068	Đào Đức	Toán		05/05/2000	Phú Yên	22LC45SP2L	150	7.44	Khá		Đạt